ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1974 /QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 06 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt dự án Chỉnh lý, sắp xếp hồ sơ địa chính, tài liệu đất đai lưu trữ tại các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Lưu trữ ngày 21/6/2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các Tổ chức tín dụng ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước; Nghị định 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 113/2025/NĐ-CP ngày 03/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ;

Căn cứ Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 03/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Lưu trữ tài liệu điện tử của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2020 - 2025";

Căn cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22/12/2017 của Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;

Căn cứ Quyết định số 2160/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt đề án "Chỉnh lý tài liệu lưu trữ tồn đọng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2025";

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 729/TTr-SNNMT ngày 27/8/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Chỉnh lý, sắp xếp hồ sơ địa chính, tài liệu đất đai lưu trữ tại các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực trên địa bàn tỉnh

Lạng Sơn với các nội dung sau:

1. Tên dự án: Chỉnh lý, sắp xếp hồ sơ địa chính, tài liệu đất đai lưu trữ tại các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

2. Cơ quan chủ quản đầu tư: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn.

3. Chủ đầu tư: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Lạng Sơn.

4. Mục tiêu của dự án

4.1. Mục tiêu chung

Thực hiện chỉnh lý, sắp xếp hồ sơ địa chính, tài liệu đất đai lưu trữ tại các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực trên địa bàn tỉnh một cách khoa học, đầy đủ và thống nhất; bảo đảm an toàn, bảo mật, phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đất đai, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và chuyển đổi số trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh.

4.2. Mục tiêu cụ thể

Chỉnh lý, phân loại, sắp xếp, lập mục lục và hoàn thiện hệ thống hồ sơ địa chính, tài liệu đất đai hiện có theo quy chuẩn, bảo đảm dễ tra cứu và sử dụng. Góp phần hiện đại hóa công tác quản lý đất đai, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống Văn phòng Đăng ký đất đai, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội và tiến trình chuyển đổi số của tỉnh Lạng Sơn.

Đáp ứng kịp thời nhu cầu khai thác, sử dụng hồ sơ, tài liệu đất đai của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân; rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính về đất đai cho người dân và doanh nghiệp.

Xây dựng được khung danh mục dữ liệu, cơ sở dữ liệu về kho tư liệu theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm, hiệu suất xử lý công việc của cán bộ trong công tác lưu trữ, khai thác, sử dụng hồ sơ địa chính, tài liệu đất đai.

5. Phạm vi thực hiện: chỉnh lý, sắp xếp hồ sơ địa chính, tài liệu đất đai lưu trữ tại 11 Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực: Bắc Sơn; Bình Gia; Cao Lộc; Chi Lăng; Đình Lập; Hữu Lũng; Lộc Bình; Tràng Định; Văn Lãng; Văn Quan; Đô thị.

6. Nội dung thực hiện:

6.1. Chỉnh lý, sắp xếp hồ sơ địa chính, tài liệu đất đai đang được lưu trữ tại các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực trên địa bàn tỉnh: 301.133 hồ sơ, tương đương 1.075,6 mét giá *(Khối lượng chi tiết tại phụ lục 01 kèm theo Quyết định này).*

6.2. Mua sắm bổ sung giá đựng tài liệu tại các chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực trên địa bàn tỉnh *(Khối lượng chi tiết tại phụ lục 02 kèm theo Quyết định này).*

7. Sản phẩm giao nộp: sản phẩm chỉnh lý tài liệu lưu trữ được quy định tại khoản 2, Điều 31 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

8. Dự toán kinh phí thực hiện: **14.626.754.893** đồng, trong đó:

8.1. Chi phí lập nhiệm vụ, dự án: 41.411.000 đồng.

8.2. Chi phí thực hiện nhiệm vụ, dự án: 13.926.707.355 đồng, gồm:

a. Chỉnh lý tài liệu lưu trữ: 13.801.907.355 đồng;

b. Mua giá để tài liệu: 124.800.000 đồng.

8.3. Chi phí lập báo cáo tổng kết nhiệm vụ, dự án: 12.000.000 đồng.

8.4. Chi phí khác: 646.636.538 đồng, gồm:

a. Kiểm tra, nghiệm thu nhiệm vụ, dự án: 552.076.294 đồng;

b. Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu: 61.706.829 đồng;

c. Thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: 32.853.415 đồng

(Chi tiết Dự toán kinh phí tại phụ lục kèm theo Quyết định này).

9. Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.

10. Thời gian thực hiện: Năm 2025 - 2026.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện theo các quy định hiện hành, đảm bảo chất lượng, tiến độ. Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tài liệu, số liệu và các nội dung thẩm định trình phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài Chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực VI, Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Lạng Sơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh, Phòng TH, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KTCN(NNT).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Lương Trọng Quỳnh

PHỤ LỤC: BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ
DỰ ÁN "CHỈNH LÝ, SẮP XẾP HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH, TÀI LIỆU ĐẤT ĐAI LƯU TRỮ TẠI CÁC CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI KHU VỰC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LẠNG SƠN"

(Kèm theo Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 06/9/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Nội dung	Ký hiệu	Cách tính	Tổng giá trị			Ghi chú
				Giá trị trước thuế	Giá trị thuế VAT	Giá trị sau thuế	
I	**Chi phí lập nhiệm vụ, dự án**	**Glnv,da**		**38.343.519**	**3.067.481**	**41.411.000**	Theo hợp đồng đã ký
II	**Chi phí thực hiện nhiệm vụ, dự án**	**Gtvnv,da**		**12.892.998.393**	**1.033.708.962**	**13.926.707.355**	
2.1	Hạng mục chỉnh lý tài liệu lưu trữ	Gthnv,da1		12.779.543.847	1.022.363.508	13.801.907.355	Xem chi tiết tại Bảng 2
2.2	Chi phí mua giá để tài liệu			113.454.545	11.345.455	124.800.000	Xem chi tiết tại Bảng 11
III	**Chi phí lập báo cáo tổng kết nhiệm vụ, dự án**	**Glbctknv,da**		**12.000.000**	-	**12.000.000**	Theo Phụ lục 06 - Thông tư 136/2017/TT-BTC ngày 22/12/2017 của Bộ Tài chính
IV	**Các chi phí khác**	**Gk**		**598.737.536**	**47.899.003**	**646.636.538**	
4.1	Chi kiểm tra, nghiệm thu nhiệm vụ, dự án	Gk1	4% x Gthnv,da	511.181.754	*40.894.540*	*552.076.294*	Theo Mục IV, Phụ lục 04 - Thông tư 136/2017/TT-BTC ngày 22/12/2017 của Bộ Tài chính: 4%
4.2	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu	Gk2	Gk2.1+Gk2.2	57.135.953	4.570.876	61.706.829	Theo hợp đồng

STT	Nội dung	Ký hiệu	Cách tính	Tổng giá trị			Ghi chú
				Giá trị trước thuế	Giá trị thuế VAT	Giá trị sau thuế	
4.2.1	*Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu chỉnh lý sắp xếp hồ sơ địa chính, tài liệu đất đai*	*Gk2.1*		*51.580.398*	*4.126.432*	*55.706.829*	*Điều 14,Nghị định 214/2025/NĐ-CP*
4.2.2	*Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu kiểm tra, nghiệm thu dự án*	*Gk2.2*		*5.555.556*	*444.444*	*6.000.000*	*Điều 14,Nghị định 214/2025/NĐ-CP*
4.3	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	Gk3	Gk3.1+Gk3.2	30.419.828	2.433.586	32.853.415	
4.3.1	*Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu chỉnh lý sắp xếp hồ sơ địa chính, tài liệu đất đai*	*Gk3.1*		*25.790.199*	*2.063.216*	*27.853.415*	*Nghị định 214/2025/NĐ-CP*
4.3.2	*Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu kiểm tra nghiệm thu dự án*	*Gk3.2*		*4.629.630*	*370.370*	*5.000.000*	*Nghị định 214/2025/NĐ-CP*
	TỔNG DỰ TOÁN	**Gnv,da**		**13.542.079.447**	**1.084.675.446**	**14.626.754.893**	
	LÀM TRÒN			**13.542.079.500**	**1.084.675.500**	**14.626.755.000**	

(Chi tiết tại biểu dự toán kèm theo)

PHỤ LỤC 01: KHỐI LƯỢNG CHỈNH LÝ TÀI LIỆU LƯU TRỮ

(Kèm theo Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 06/9/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Loại tài liệu	Đơn vị tính	Số hồ sơ	Quy đổi ra mét giá
1	**Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực Bắc Sơn**			
	Hồ sơ đăng ký biến động	Hồ sơ	**29.044**	
	Hồ sơ cấp mới (cấp lần đầu)	Hồ sơ	822	2,9
	Hồ sơ chuyển quyền (Chuyển nhượng, cho tặng, thừa kế…)	Hồ sơ	28.222	100,8
2	**Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực Bình Gia**			
	Hồ sơ đăng ký biến động	Hồ sơ	**24.200**	
	Hồ sơ cấp mới (cấp lần đầu)	Hồ sơ	7.450	26,6
	Hồ sơ chuyển quyền (Chuyển nhượng, cho tặng, thừa kế…)	Hồ sơ	16.750	59,8
3	**Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực Cao Lộc**			
	Hồ sơ đăng ký biến động	Hồ sơ	**27.900**	
	Hồ sơ cấp mới (cấp lần đầu)	Hồ sơ	7.125	25,4
	Hồ sơ chuyển quyền (Chuyển nhượng, cho tặng, thừa kế…)	Hồ sơ	20.775	74,2
4	**Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực Chi Lăng**			
	Hồ sơ đăng ký biến động	Hồ sơ	**43.400**	
	Hồ sơ cấp mới (cấp lần đầu)	Hồ sơ	24.515	87,6
	Hồ sơ chuyển quyền (Chuyển nhượng, cho tặng, thừa kế…)	Hồ sơ	18.885	67,4
5	**Chi nhánh Văn phòng đăng ký Đình Lập**			
	Hồ sơ đăng ký biến động	Hồ sơ	**10.353**	
	Hồ sơ cấp mới (cấp lần đầu)	Hồ sơ	10.353	37,0
	Hồ sơ chuyển quyền (Chuyển nhượng, cho tặng, thừa kế…)	Hồ sơ		-
6	**Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực Hữu Lũng**			
	Hồ sơ đăng ký biến động	Hồ sơ	**35.800**	
	Hồ sơ cấp mới (cấp lần đầu)	Hồ sơ	21.550	77,0

STT	Loại tài liệu	Đơn vị tính	Số hồ sơ	Quy đổi ra mét giá
	Hồ sơ chuyển quyền (Chuyển nhượng, cho tặng, thừa kế…)	Hồ sơ	14.250	50,9
7	**Chi nhánh Văn phòng đăng ký Lộc Bình**			
	Hồ sơ đăng ký biến động	Hồ sơ	**23.116**	
	Hồ sơ cấp mới (cấp lần đầu)	Hồ sơ	8.705	31,1
	Hồ sơ chuyển quyền (Chuyển nhượng, cho tặng, thừa kế…)	Hồ sơ	14.411	51,5
8	**Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực đô thị**			
	Hồ sơ đăng ký biến động	Hồ sơ	**27.900**	
	Hồ sơ cấp mới (cấp lần đầu)	Hồ sơ	7.042	25,2
	Hồ sơ chuyển quyền (Chuyển nhượng, cho tặng, thừa kế…)	Hồ sơ	20.858	74,5
9	**Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực Tràng Định**			
	Hồ sơ đăng ký biến động	Hồ sơ	**33.488**	
	Hồ sơ cấp mới (cấp lần đầu)	Hồ sơ	13.124	46,9
	Hồ sơ chuyển quyền (Chuyển nhượng, cho tặng, thừa kế…)	Hồ sơ	20.364	72,7
10	**Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực Văn Lãng**			
	Hồ sơ đăng ký biến động	Hồ sơ	**18.732**	
	Hồ sơ cấp mới (cấp lần đầu)	Hồ sơ	1.115	4,0
	Hồ sơ chuyển quyền (Chuyển nhượng, cho tặng, thừa kế…)	Hồ sơ	17.617	62,9
11	**Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực Văn Quan**			
	Hồ sơ đăng ký biến động	Hồ sơ	**27.200**	
	Hồ sơ cấp mới (cấp lần đầu)	Hồ sơ	12.700	45,4
	Hồ sơ chuyển quyền (Chuyển nhượng, cho tặng, thừa kế…)	Hồ sơ	14.500	51,8
	Tổng cộng		**301.133**	**1.075,6**

PHỤ LỤC 02: KHỐI LƯỢNG GIÁ ĐẤT ĐỂ TÀI LIỆU

(Kèm theo Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 06/9/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Đơn vị	Khối lượng (cái)
1	Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai khu vực Bắc Sơn	8
2	Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai khu vực Bình Gia	12
3	Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai khu vực Cao Lộc	14
4	Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai khu vực Chi Lăng	0
5	Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai khu vực Đình Lập	2
6	Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai khu vực Hữu Lũng	0
7	Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai khu vực Lộc Bình	0
8	Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai khu vực đô thị	0
9	Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai khu vực Tràng Định	8
10	Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai khu vực Văn Lãng	4
11	Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai khu vực Văn Quan	4
	Tổng cộng	**52**